

DI SẢN CỦA ROUSSEAU VÀ MONTESQUIEU
VỚI VIỆC KIẾN TẠO KHÔNG GIAN PHÁP LÝ
CHO QUYỀN CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THE LEGACY OF ROUSSEAU AND MONTESQUIEU IN SHAPING THE LEGAL
FRAMEWORK FOR CITIZENSHIP IN CONTEMPORARY VIETNAM

NGUYỄN QUỲNH ANH^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 12-7-2025 Ngày biên tập xong: 08-11-2025 Ngày duyệt đăng: 30-11-2025 Mã số: TCKH54-07-2025 ISSN: 2525 – 2429 <i>Từ khóa:</i> dân chủ; pháp quyền; quyền công dân; Rousseau; Montesquieu. <i>Key words:</i> democracy; rule of law; citizenship; Rousseau; Montesquieu.	<i>Tư tưởng “tam quyền phân lập” của Montesquieu và về “ý chí chung” của Rousseau đều khẳng định vai trò trung tâm của pháp luật, cũng như cơ chế kiểm soát quyền lực trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Những giá trị đó đã được Việt Nam tiếp nhận một cách chọn lọc, sáng tạo và phù hợp với đặc thù lịch sử – chính trị của mình, qua đó hình thành không gian pháp lý bảo đảm quyền công dân. Bài viết này góp phần làm rõ một số nội dung cốt lõi trong di sản tư tưởng của hai ông và tính đặc thù trong quá trình vận dụng của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.</i> ABSTRACT: Rousseau’s concept of the “general will” and Montesquieu’s theory of “separation of powers” both affirm the central role of law and institutional checks in safeguarding freedom. These foundational ideas have been selectively and creatively adopted by Vietnam in a manner suited to its historical and political context, contributing to the development of a legal framework that ensures citizens’ rights. This article clarifies the philosophical legacy of the two thinkers and highlights the specific characteristics of how Vietnam has applied their ideas in the contemporary legal and political environment.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trào lưu Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, với những đại biểu tiêu biểu như Montesquieu (1689-1755) và Rousseau (1712-1778), đã mở ra một cuộc cách mạng trong tư duy chính trị – pháp lý của nhân loại, đặt nền móng cho các học thuyết hiện đại về dân chủ, pháp quyền và quyền con người. Di sản tư tưởng của các ông

không chỉ góp phần lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, mà còn trở thành giá trị phổ quát, có sức lan tỏa sâu rộng trong tiến trình phát triển của các quốc gia hiện đại.

Tinh hoa của triết học Khai sáng đã được các nhà tư tưởng yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX đón nhận và sau này được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển trong *Tuyên ngôn*

^(*) TS. Thượng tá. Trường Đại học An ninh nhân dân, nguyenquynhanh.dhan@gmail.com

Độc lập năm 1945, khẳng định quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người và của cả dân tộc. Những giá trị đó trở thành nền tảng tinh thần quan trọng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay, khi Đảng ta xác định nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, việc nghiên cứu và vận dụng di sản tư tưởng của Montesquieu và Rousseau có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Đó là cơ sở tham chiếu để nhận diện những giá trị bền vững về quyền lực, pháp luật và tự do, đồng thời gợi mở hướng đi trong việc kiến tạo không gian pháp lý bảo đảm quyền công dân phù hợp với đặc thù chính trị – pháp lý của Việt Nam hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng về pháp luật, quyền lực và tự do trong di sản của Montesquieu

Pháp luật và quyền lực và sự tự do là chủ đề được các triết gia phương Tây bàn luận từ thời cổ đại, song tới giai đoạn Phục hưng – Khai sáng mới trở nên sôi nổi, sống động hơn bao giờ hết. Các triết gia như Thomas Hobbes, John Locke đều dựa trên sự vận động của xã hội để từng bước định hình tư duy pháp quyền. Theo John Locke, “*Nơi nào luật pháp chấm dứt, nơi đó sự chuyên chế bắt đầu*” [6, tr.264]. Ông cũng bước đầu quan tâm đến thuyết phân quyền.

Kế thừa những tư tưởng có trước, từ góc độ của chủ nghĩa thực chứng, xã hội học và chính trị học so sánh, Montesquieu đã quan sát và phân tích sự đa dạng của các hệ thống pháp luật và chính thể đã và đang tồn tại trong lịch sử nhân loại. Ngay trong tác phẩm *Những bức thư của người Ba Tư* (Lettres Persanes), Montesquieu đã chỉ ra rằng khi luật pháp bị phá vỡ trong chính cơ chế xã hội thì nó sẽ làm băng hoại chính cơ thể đó, tức là cơ thể xã hội phải trả giá bằng chính sự tồn vong của mình [10, tr.56]. Ông khẳng định không thể có bất cứ một “định

mệnh mù quáng” nào làm nên mọi việc và “*Luật, theo nghĩa rộng nhất, là những quan hệ tất yếu từ trong bản chất của sự vật. Với nghĩa này thì mọi vật đều có luật của nó*” [7, tr.37].

Với công trình *Tinh thần Pháp luật* (1748), Montesquieu đã nỗ lực đi tìm những quy luật khách quan chi phối đời sống chính trị – pháp lý của các dân tộc. Theo Montesquieu, pháp luật không phải là sản phẩm của ý chí tùy tiện, mà chịu sự tác động sâu sắc của nhiều yếu tố như khí hậu, địa hình, phong tục, tập quán, tôn giáo và đặc biệt là hình thức của chính thể. Mỗi quan tâm xuyên suốt của Montesquieu là cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa “tự do” và “quyền uy”. Ông chỉ ra một quy luật tâm lý chính trị phổ quát là bất kỳ ai có quyền lực đều có khuynh hướng lạm dụng nó. Do đó, để bảo vệ tự do cho công dân, điều cốt yếu không phải là trông chờ vào lòng tốt của người cầm quyền, mà là phải thiết kế một “kiến trúc quyền lực” nhà nước hợp lý, nơi quyền lực tự nó kiểm soát và giới hạn chính nó.

Để làm được điều đó, Montesquieu tiến hành phân tích các loại hình chính thể; chia chính thể thành ba loại chính, dựa trên “bản chất” (ai là người nắm giữ chủ quyền) và “nguyên tắc” (động lực tinh thần hay niềm đam mê làm cho chính thể đó vận hành): 1) Nền Cộng hòa, nơi chủ quyền thuộc về toàn dân (dân chủ) hoặc một bộ phận dân chúng (quý tộc), và được vận hành bởi nguyên tắc *Đức hạnh* (đức hạnh chính trị, tức là tình yêu tổ quốc và tình yêu sự bình đẳng); 2) Nền Quân chủ, nơi một người cai trị nhưng bằng các luật lệ cố định và đã được thiết lập, được vận hành bởi nguyên tắc *Danh dự* (tham vọng và lòng khao khát được đề cao); 3) Chế độ Chuyên chế, nơi một người cai trị không theo luật lệ nào mà chỉ theo ý chí, sở thích và được vận hành bởi nguyên tắc *Sợ hãi*. Montesquieu kịch liệt lên án và xem chế độ chuyên chế là một tai họa, một sự thoái hóa của quyền lực chính trị, nơi không có luật pháp, không có an ninh, và do đó,

không thể có tự do. Ngược lại, ông đề cao các chính thể ôn hòa như cộng hòa và quân chủ, nơi quyền lực được giới hạn và điều tiết.

Từ sự phân tích đó, Montesquieu cho rằng, tự do không phải là sự tùy tiện vô chính phủ, mà là một trạng thái an toàn được bảo đảm bởi pháp luật. Tự do chỉ có thể tồn tại ở nơi nào mà quyền lực không bị lạm dụng, và điều đó chỉ xảy ra khi nhà nước được tổ chức một cách hợp lý. Tự do của công dân không phải là quyền muốn làm gì thì làm, mà là quyền được sống trong sự an tâm, không phải sợ hãi một công dân khác hay sợ hãi chính quyền lực nhà nước. Ông viết: *“Tự do chính trị của công dân là sự yên tâm vì mỗi người nghĩ rằng mình được an ninh. Muốn đảm bảo tự do chính trị như vậy thì chính phủ phải làm thế nào để một công dân này không phải sợ một công dân khác”* [7, tr.106].

Để đạt được trạng thái an ninh này, pháp luật phải trở thành thước đo tối cao cho mọi hành vi. Trong một không gian pháp lý minh bạch và công bằng, con người sẽ được tự do. Montesquieu khẳng định: *“Tự do là quyền được làm tất cả những điều mà luật cho phép. Nếu một công dân làm điều trái luật thì anh ta không còn được tự do nữa, vì nếu để anh ta tự do thì mọi người đều được làm trái luật cả”* [7, tr.105].

Làm thế nào để xây dựng một nhà nước có khả năng bảo vệ tự do? Montesquieu đề xuất học thuyết “tam quyền phân lập”. Theo đó, quyền lực nhà nước được phân chia thành ba chức năng: Quyền lập pháp (quyền làm ra luật, sửa đổi hoặc bãi bỏ luật), Quyền hành pháp (quyền quyết định các vấn đề đối nội, đối ngoại, đảm bảo an ninh và thi hành pháp luật), và Quyền tư pháp (quyền trừng trị tội phạm và phân xử các tranh chấp giữa các cá nhân). Điều cốt tử của học thuyết này là ba nhánh quyền lực trên phải được trao cho các cơ quan, cá nhân khác nhau và phải có khả năng kiểm soát, chế ước lẫn nhau. Sự độc lập tương đối và khả năng kìm chế lẫn nhau này sẽ ngăn chặn sự tập trung quyền lực vào một mối, từ đó ngăn ngừa nguy

cơ chuyên chế. Montesquieu cảnh báo về sự nguy hiểm của việc tập trung quyền lực: *“Khi mà quyền lập pháp và quyền hành pháp nhập lại trong tay một người hay một viện nguyên lão, thì sẽ không còn gì là tự do nữa, vì người ta sợ rằng chính ông ta hay viện ấy chỉ đặt ra luật độc tài để thi hành một cách độc tài”* [7, tr.106].

Ông đặc biệt nhấn mạnh, sự độc lập của ngành tư pháp, coi đó là thành trì bảo vệ tự do và an ninh của công dân. Nếu tư pháp bị nhập với lập pháp và hành pháp, thì quan tòa sẽ có cả sức mạnh của kẻ đàn áp và người làm luật, dẫn đến sự tùy tiện và bất công. Theo Montesquieu, cơ quan tư pháp nên được trao cho những người được lựa chọn từ dân chúng trong một thời gian nhất định, để quyền lực tư pháp trở nên “vô hình và không tồn tại”, khiến người dân chỉ sợ cơ chế cai trị chứ không sợ quan tòa. Trong không gian pháp lý được kiến tạo bởi cơ chế kìm chế và đối trọng quyền lực này, một nhà nước thượng tôn pháp luật mới có thể vận hành và các quyền tự do của công dân có điều kiện được bảo đảm.

2.2. Tư tưởng về ‘ý chí chung’, ‘khế ước xã hội’ và nền tảng dân chủ trong di sản của Rousseau

Rousseau là một trong các triết gia có ảnh hưởng lớn của thời kỳ Khai sáng, có khát khao tìm kiếm tự do cho con người. Các tác giả của cuốn *Triết học Tây phương từ khởi thủy đến đương đại* đã thấu tóm nhận định của Rousseau về con người là: “con người, từ bản chất là tự do và có thể hoàn thiện” [1, tr.683]. Bởi thế, trong *Bàn về Khế ước xã hội* (1762), ông viết: *“Người ta sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích”* [8, tr.52]. Mở đầu *Émile hay là về giáo dục*, ông tiếp tục thể hiện lập trường của mình: *“Coming from the hand of the Author of all things, everything is good; in the hands of man, everything degenerates”* [11, tr.11] có nghĩa là mọi thứ từ bàn tay tạo hóa mà ra đều tốt, song lại tha hóa do bàn tay con người. Đây là luận đề có tính nền tảng của triết học chính trị: Làm thế nào

đạt đến tự do trong một trật tự xã hội đầy rẫy áp bức? Câu trả lời của Rousseau không phải là một sự quay về với trạng thái tự nhiên hoang sơ mà là sự kiến tạo xã hội dựa trên một học thuyết cách mạng về nguồn gốc và tính chính đáng của quyền lực chính trị.

Để hiểu được giải pháp của Rousseau, trước hết cần nắm rõ chẩn đoán của ông về “căn bệnh” của xã hội. Với *Luận về nguồn gốc và nền tảng của sự bất bình đẳng ở con người* (1754), ông cho rằng, con người trong trạng thái tự nhiên nguyên thủy được dẫn dắt bởi hai nguyên tắc cơ bản: Lòng yêu bản thân - một bản năng tự bảo tồn lành mạnh và lòng trắc ẩn - một sự đồng cảm tự nhiên trước nỗi đau của đồng loại. Con người tự nhiên sống độc lập, bình đẳng; sự bất bình đẳng, nếu có, chỉ là những khác biệt về thể chất. Song, việc hình thành sở hữu tư nhân đã khai sinh ra xã hội dân sự cùng với sự bất công. Rousseau miêu tả: “Người đầu tiên khoanh một khu đất, nghĩ rằng ‘Đây là của tôi’ và tìm được những kẻ ngây thơ đủ để tin anh ta là người thật sự tìm thấy xã hội dân sự. Biết bao tội ác, chiến tranh, tàn sát, bao điều đau khổ và kinh hoàng loài người có thể tránh được nếu có một ai kéo các cọc và kêu lên cùng đồng bào mình: ‘Chớ tin kẻ mạo danh ấy! Mọi người sẽ mất nếu quên rằng những thành quả của trái đất thuộc quyền của mọi người và trái đất không thuộc về ai cả’” [12, tr.109].

Khi có sở hữu tư nhân, con người nảy sinh lòng kiêu hãnh, tính hiếu danh. Họ không chỉ muốn tồn tại, mà còn muốn được công nhận là vượt trội. Điều này tạo ra sự cạnh tranh, lòng đố kỵ, tính kiêu căng và sự phụ thuộc, biến con người tự do thành bạo chúa hoặc nô lệ. Tự do thiên nhiên đã mất, và con người bị trói buộc trong những xiềng xích của sự bất bình đẳng. Bởi vậy, nhận xét về quan điểm của Rousseau, Friedrich Engels đã viết: “Rousseau thấy việc sinh ra sự bất bình đẳng là một bước tiến. Nhưng bước tiến này có tính chất đối kháng, nó đồng thời cũng là một bước lùi ... Mỗi bước tiến

mới của văn minh, đồng thời cũng là một bước tiến mới của sự bất bình đẳng. Xã hội ra đời cùng với văn minh, tất cả những thể chế do xã hội tạo ra đều biến thành những thể chế đi ngược lại với mục đích ban đầu của chúng” [2, tr.198]. Tuy nhiên, theo Rousseau, “Con người đã tạo ra bất bình đẳng thì con người cũng có thể xóa bỏ nó đi” [9, tr.207]. Rousseau đề xướng việc lật đổ các thiết chế áp bức, đưa con người trở lại “trạng thái tự nhiên” ban đầu của nó thông qua phương án “khế ước xã hội”. Bản chất của “khế ước” không phải là sự phục tùng của người dân trước quân vương, mà là sự “từ bỏ”, “chuyển giao” quyền của cá nhân sang cộng đồng. Ở đó, “Mỗi người chúng ta đặt mình và quyền lực của mình dưới sự điều khiển tối cao của ý chí chung, và chúng ta tiếp nhận mọi thành viên như một bộ phận không thể tách rời của toàn thể” [8, tr.68].

Hành động từ bỏ này là con đường để đạt đến hình thức tự do cao hơn. Vì vậy, trong sự liên kết với cộng đồng, con người “vẫn chỉ tuân theo chính mình và vẫn tự do như trước”. Khế ước xã hội tạo ra một sự biến đổi sâu sắc trong bản chất con người, biến một sinh vật chỉ biết đến bản năng thành một công dân. Rousseau mô tả, khế ước đã dứt con người “ra khỏi giới động vật ngu muội và hạn chế để vĩnh viễn trở thành loài thông minh, thành một con người” [8, tr.73]. Khế ước tạo ra một “cái tôi chung”, một cơ thể chính trị có “ý chí chung”. Đây là sáng tạo độc đáo nhất trong tư tưởng của Rousseau. Ý chí chung không phải là ý chí của đa số hay tổng hợp giản đơn của các ý chí cá nhân. Ý chí của tất cả chỉ nhìn vào lợi ích riêng và là tổng của các ý chí riêng tư; còn ý chí chung chỉ nhìn vào lợi ích chung. Nó luôn công bằng vì nó áp dụng cho tất cả mọi người một cách bình đẳng. Pháp luật, trong một nhà nước chính đáng, phải là sự biểu đạt của ý chí chung.

Từ nền tảng này, Rousseau đã đưa ra một định nghĩa kinh điển về tự do đạo đức mà con người chỉ có thể đạt được trong xã hội dân sự:

“...làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, mà tuân theo quy tắc tự mình đặt ra lại là tự do” [8, tr.74]. Khi một công dân tuân theo pháp luật (biểu hiện của ý chí chung), nghĩa là anh ta đang tuân theo ý chí của chính mình với tư cách là một thành viên của cộng đồng. Đây là một sự chuyển hóa từ *tự do thiên nhiên* sang *tự do dân sự* (sự an toàn của cá nhân và tài sản dưới sự bảo vệ của pháp luật) và cuối cùng là *tự do đạo đức* (sự tự chủ của con người khi hành động theo các nguyên tắc đạo đức mà lý trí đã nhận ra). Quyền lực tối cao trong nhà nước của Rousseau nằm ở cộng đồng khi họ cùng nhau thể hiện ý chí chung. Quyền lực này có ba đặc tính: Không thể phân chia, không thể bị từ bỏ và không thể bị đại diện. Rousseau nhấn mạnh điểm cuối cùng khi phê phán gay gắt mô hình dân chủ đại diện ở Anh, nơi ông cho rằng người dân chỉ tự do trong khoảnh khắc bỏ phiếu: “*Nhân dân Anh tưởng mình là tự do; thực ra họ lầm to. Họ chỉ tự do trong khi đi bầu cử các đại biểu nghị viện mà thôi; bầu xong đại biểu họ lại trở về nô lệ, không còn là cái thá gì nữa*” [8, tr.179].

Đối với ông, ý chí không thể được đại diện; dân chúng phải trực tiếp tham gia vào việc lập pháp. Chính phủ chỉ là cơ quan được ủy thác để thi hành luật pháp do quyền lực tối cao (nhân dân) ban hành và có thể bị thay thế nếu đi ngược lại ý chí chung. Ông nhận thấy một quy luật thoái hóa cố hữu: Chính phủ luôn có xu hướng tiếm đoạt chủ quyền của nhân dân. Để ngăn chặn nguy cơ ấy, Rousseau đề xuất các cơ chế như tổ chức các đại hội nhân dân định kỳ để tái khẳng định khế ước xã hội và xem xét lại hoạt động của chính phủ. Không gian pháp lý cho quyền công dân theo Rousseau, do đó, được kiến tạo trên một nền tảng dân chủ triệt để, đòi hỏi sự tham gia tích cực và liên tục của mọi công dân và xuất phát từ một khế ước xã hội mang tính lý tưởng.

2.3. Sự vận dụng di sản của Montesquieu, Rousseau trong kiến tạo không gian pháp lý cho quyền công dân ở Việt Nam hiện nay

Việc nghiên cứu, đối chiếu di sản của Rousseau, Montesquieu và thực tiễn kiến tạo không gian pháp lý nhằm thực hiện quyền công dân ở Việt Nam cho thấy một quá trình tiếp biến và vận dụng đầy sáng tạo. Các nguyên tắc về chủ quyền nhân dân, thượng tôn pháp luật, và kiểm soát quyền lực nhà nước đã được Việt Nam tiếp thu về mặt tinh thần, nhưng được cấu trúc lại và thể chế hóa trong một mô hình chính trị - pháp lý đặc thù, phù hợp với nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự vận dụng sáng tạo này thể hiện rõ nét qua ba trụ cột chính: Quan niệm về chủ quyền nhân dân, mô hình kiểm soát quyền lực, và mối quan hệ biện chứng giữa tự do, pháp luật và nghĩa vụ công dân.

Thứ nhất, từ học thuyết phân quyền đối kháng của Montesquieu đến cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực ở Việt Nam.

Học thuyết “tam quyền phân lập” của Montesquieu, với cơ chế kìm chế và đối trọng, được thiết kế cho một xã hội có sự cạnh tranh quyền lực giữa các lực lượng chính trị khác nhau. Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, Việt Nam đã vận dụng tinh thần cốt lõi của học thuyết này - đó là sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực để chống lại sự tha hóa – nhằm xây dựng một mô hình đặc thù. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “*Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật*” [3, tr.86]. Khoản 3, Điều 2, Hiến pháp 2013 nêu rõ nguyên tắc: “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*” [14, tr.2].

Nguyên tắc trên thừa nhận quyền lực nhà nước có cùng một nguồn gốc (nhân dân) và

một mục tiêu chính trị thống nhất, nhưng để tránh sự tập trung, quan liêu và lạm quyền, nó phải được *phân công* rành mạch (Quốc hội lập pháp, Chính phủ hành pháp, Tòa án tư pháp). Quan trọng hơn, các cơ quan này phải *kiểm soát* lẫn nhau. Cơ chế kiểm soát này ngày càng được cụ thể hóa. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Hoạt động của các cơ quan tư pháp được giám sát bởi các cơ quan dân cử và bởi chính hệ thống nội bộ của nó. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh việc: *“Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính”* [4, tr.284]. Đảng đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *“Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”* đã nhấn mạnh yêu cầu *“hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước”* [13, tr.4], coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm chiến lược. Điều này cho thấy, tinh thần kiểm soát quyền lực để bảo vệ quyền công dân của Montesquieu đã được Việt Nam tiếp biến và thể chế hóa một cách nghiêm túc, phù hợp với thể chế chính trị của mình.

Thứ hai, tư tưởng của Rousseau về chủ quyền tối cao thuộc về nhân dân đã được tham khảo, chuyển hóa thành nguyên tắc nền tảng *“tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”* trong thể chế chính trị Việt Nam.

Đảng Việt Nam khẳng định *“Vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”* [4, tr.173]. Khoản 2, Điều 2, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”* [14, tr.2].

Nguyên tắc này thể hiện sự tương đồng sâu sắc về mặt tinh thần với học thuyết của Rousseau, tuy nhiên, phương thức thực thi lại có sự khác biệt căn bản. Trong khi Rousseau có xu hướng tuyệt đối hóa dân chủ trực tiếp và hoài nghi hình thức đại diện thì Việt Nam, phù hợp với quy mô và độ phức tạp của một quốc gia hiện đại, thực hành chủ quyền nhân dân chủ yếu thông qua hình thức dân chủ đại diện. Nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp - những cơ quan do chính mình bầu ra.

Để khắc phục những hạn chế của dân chủ đại diện mà Rousseau đã chỉ ra (nguy cơ người đại biểu phản bội lại ý chí của cử tri), Việt Nam đã và đang không ngừng hoàn thiện các cơ chế dân chủ trực tiếp ở cơ sở với phương châm *“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”*. Thêm vào đó, một sáng tạo đặc thù của hệ thống chính trị Việt Nam là vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc. Nếu *“ý chí chung”* của Rousseau là một khái niệm triết học trừu tượng, khó xác định trong thực tế, thì ở Việt Nam, nó được hiện thực hóa thông qua sự thống nhất giữa *“ý Đảng, lòng Dân”*. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, có sứ mệnh đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, phản ánh lợi ích căn bản và lâu dài của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, đồng thời giám sát và phản biện xã hội, tạo ra một kênh quan trọng để *“ý chí chung”* được thể hiện và tác động đến quá trình quyết sách của Nhà nước.

Thứ ba, từ quan niệm về tự do theo luật tự nhiên đến mối quan hệ biện chứng giữa quyền và nghĩa vụ trong pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Cả Montesquieu và Rousseau đều định nghĩa tự do trong mối quan hệ với pháp luật. Đối với Montesquieu, tự do là làm những gì luật pháp cho phép. Đối với Rousseau, tự do là tuân theo luật pháp do chính mình đặt ra. Cả hai quan niệm này đều gặp gỡ nhau ở điểm: pháp luật công bằng là điều kiện của tự do. Thực tiễn lập pháp ở Việt Nam thể hiện rõ sự nghiên cứu, tiếp biến các tư tưởng này. Hệ thống pháp luật Việt Nam ngày càng được hoàn thiện để tạo ra một không gian pháp lý minh bạch cho công dân. Theo các công ước quốc tế về quyền con người (vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng Khai sáng), các quyền tự do không phải là tuyệt đối và có thể bị giới hạn bởi luật pháp vì các lý do chính đáng như an ninh quốc gia, trật tự công cộng. Đây chính là điểm mà pháp luật Việt Nam kế thừa và thể chế hóa. Điển hình như Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Tổ chức, Luật Khiếu nại... với các quy định không nhằm triệt tiêu quyền tự do, mà nhằm thiết lập một “khế ước” xã hội rõ ràng trong bối cảnh mới: Công dân không được lợi dụng tự do để xâm phạm lợi ích của người khác và sự an toàn của cộng đồng. Quan điểm này là sự cụ thể hóa mối quan hệ biện chứng giữa quyền và nghĩa vụ, một trụ cột trong Tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Người đã từng nhấn mạnh: *“Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là: Tuân theo pháp luật Nhà nước”* [5, tr.258]. Tư tưởng này đã vượt qua cả quan điểm tự do cá nhân của tư tưởng Khai sáng mà cho rằng tự do của cá nhân

chỉ có thể được bảo đảm một cách bền vững trong một cộng đồng ổn định và an toàn. Do đó, việc thực hiện nghĩa vụ công dân không phải là sự giới hạn, mà chính là điều kiện để quyền tự do của mọi người được thực thi một cách trọn vẹn.

3. KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu di sản của Rousseau và Montesquieu, cũng như tìm hiểu thực tiễn Việt Nam cho thấy một quá trình vận dụng sáng tạo và có chọn lọc. Các nguyên tắc cốt lõi của triết học Khai sáng đã gợi mở những giá trị sâu sắc cho việc xây dựng một nhà nước hiện đại. Tư tưởng về chủ quyền nhân dân của Rousseau được Việt Nam thể chế hóa thành nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”, nhưng được thực thi trong một cơ chế đặc thù, kết hợp giữa dân chủ đại diện và dân chủ cơ sở dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tương tự, tinh thần kiểm soát quyền lực để chống chuyên chế của Montesquieu được chuyển hóa thành mô hình “phân công, phối hợp, kiểm soát” trong một thể chế quyền lực nhà nước thống nhất, nhằm đảm bảo sự vận hành hiệu quả và đúng định hướng. Cuối cùng, các quyền tự do của công dân được đặt trong mối quan hệ biện chứng với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng. Quá trình này khẳng định một con đường riêng, nơi các giá trị phổ quát được tiếp biến để kiến tạo một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh, đảm bảo hài hòa giữa phát triển, ổn định và quyền con người, khẳng định vị thế và bản sắc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bernard Moiricher và nhóm giáo sư các trường đại học Pháp (2010), *Triết học Tây phương từ khởi thủy đến đương đại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6] Locke. J (2013), *Khảo luận thứ hai về chính quyền* (Lê Tuấn Huy dịch và giới thiệu), Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [7] Montesquieu, C.L. (2004), *Bàn về tinh thần pháp luật*, Hoàng Thanh Đạm (dịch), Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [8] Rousseau, J.J. (2004), *Bàn về khế ước xã hội*, Hoàng Thanh Đạm (dịch), Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [9] Phùng Văn Tửu (1978), *Giăng-Giắc-Cơ Ru- xô*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [10] Montesquieu C.L. (1993), *Persian Letters*, Penguin Books.
- [11] Rousseau, J.J. (1889), *Émile or Concerning Education*, Extracts containing the principal elements of pedagogy found in the first three book. With an introduction and notes by Jules Steeg, depute, Paris, France. Traslated by Eleanor Worthington, formerly of the Cook Co.Normal School, Ill. Boston: D.C. Heath & Company.
- [12] Rousseau, J.J. (1984), *A Discourse on Inequality*, Penguin Books, England.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 27 – NQ/TW tại Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội, ngày 9-11-2022, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-27-nqtw-ngay-09112022-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9016>, ngày truy cập: 20-10-2025.
- [14] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=171264&classid=1&typegroupid=1>, ngày truy cập: 20-10-2025.